

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Hồng - Thái Bình
thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017; Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật, Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 05/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đê điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đê;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia tại Tờ trình số 294/TTr-TTNTQG ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung sau:

I. THỜI KỲ QUY HOẠCH

Thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. PHẠM VI QUY HOẠCH

Lưu vực sông Hồng - Thái Bình trên lãnh thổ Việt Nam với diện tích tự nhiên 88.680 km², thuộc các tỉnh, thành phố: Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình, Quảng Ninh.

(Phân vùng quy hoạch chi tiết như Phụ lục I kèm theo)

III. QUAN ĐIỂM

1. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đồng bộ giữa phát triển hạ tầng thủy lợi với phát triển hạ tầng các ngành khác, kế thừa hệ thống thủy lợi đã đầu tư, xây dựng.

2. Khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nước nhất là nguồn nước nội sinh, có tầm nhìn dài hạn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn trước mắt và lâu dài, phục vụ đa ngành, đa mục tiêu, đảm bảo an ninh nguồn nước. Quy hoạch theo hướng “mở” để có thể điều chỉnh, bổ sung linh hoạt theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3. Đầu tư xây dựng công trình trên dòng chính phục vụ đa mục tiêu; sửa chữa, nâng cấp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thủy lợi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước trong hệ thống thủy lợi; nâng cấp, sửa chữa, nâng cao dung tích trữ của các hồ chứa đã có; ưu tiên các công trình khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước, làm sũng lại một số dòng sông chết, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái tuần hoàn, các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao.

4. Kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và phi công trình, khuyến khích áp dụng các giải pháp tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước, tưới vùng đất dốc, quản trị rủi ro thiên tai. Ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quy hoạch, xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi, bảo vệ nguồn nước.

5. Huy động đa dạng các nguồn lực, nâng cao tỷ trọng nguồn lực xã hội, phân kỳ đầu tư hệ thống hạ tầng thủy lợi có trọng tâm, trọng điểm. Đảm bảo tính khả thi trong triển khai, phù hợp với khả năng thực tế và nguồn lực thực hiện của đất nước và các tỉnh trên lưu vực.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển thủy lợi nhằm khai thác, sử dụng tổng hợp và phát triển bền vững nguồn nước lưu vực sông Hồng - Thái Bình, có xét đến tác động của biến đổi khí hậu, phát triển thượng nguồn, phục vụ đa mục tiêu; chủ động tiêu thoát nước cho nông nghiệp kết hợp tiêu cho đô thị, công nghiệp... qua hệ thống thủy lợi; phòng, chống lũ cho lưu vực sông; góp phần cải tạo môi trường nước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, góp

phần bảo đảm an ninh nguồn nước của lưu vực đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển thủy lợi hàng năm, 5 năm và dài hạn trên lưu vực.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Tưới, cấp nước

Cấp, tạo nguồn cấp nước phục vụ sinh hoạt nông thôn, đô thị, công nghiệp. Ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, cho các khu vực khó khăn về nguồn nước như Tuyên Quang, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên.

Cấp nước tưới chủ động cho khoảng 740.000 ha diện tích lúa 2 vụ với tần suất đảm bảo 75- 85% cho vùng trung du và miền núi, 85- 90% cho vùng đồng bằng. Cấp nước tưới cho khoảng 285.000 ha cây trồng cạn; đảm bảo cấp đủ nước cho khoảng 17,9 triệu gia súc và 253 triệu gia cầm. Cấp, thoát nước chủ động cho 138 nghìn ha nuôi trồng thủy sản tập trung.

Khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước trên dòng chính sông Hồng- Thái Bình, bảo đảm lấy nước chủ động cho các hệ thống thủy lợi Sông Nhuệ, Bắc Hưng Hải, Bắc Đuống... Kết hợp bổ sung nguồn nước, từng bước làm sống lại một số sông trong các hệ thống thủy lợi, cải thiện chất lượng nước hệ thống thủy lợi, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước một cách chủ động.

Từng bước chủ động kiểm soát nước mặn, nước ngọt tại các vùng cửa sông, ven biển và trong nội đồng các khu vực ven biển; đảm bảo tỷ lệ phân lưu hợp lý giữa các sông thuộc lưu vực sông Hồng- Thái Bình.

b) Tiêu, thoát nước

Đảm bảo yêu cầu tiêu, thoát nước qua công trình thủy lợi cho khoảng 1,4 triệu ha diện tích đất đô thị, công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, thủy sản với tần suất mưa thiết kế 10%. Chủ động tiêu, thoát nước ra sông chính, tăng cường năng lực tiêu bằng động lực phục vụ dân sinh, sản xuất; duy trì hợp lý diện tích chứa, trữ, điều hòa nước mưa, nhất là các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

c) Phòng, chống lũ, ngập úng

Chống lũ với tần suất 0,33% đối với khu vực chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa lớn ở thượng lưu, 1% đến 2% đối với khu vực ít chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa lớn. Một số đô thị trung tâm thuộc tỉnh: Lào Cai, Sơn La chống lũ với tần suất 5%; Bắc Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn chống lũ với tần suất 2%; khu vực đô thị trung tâm của Phú Thọ chống lũ với tần suất 0,33% đến 1%. Trung tâm thành phố Hà Nội phía hữu ngạn sông Hồng chống lũ với tần suất 0,2%; các khu vực sông không có đê ở thượng nguồn đảm bảo tần suất thoát lũ theo quy định ở từng khu vực.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Tưới, cấp nước

Đảm bảo cấp nước sinh hoạt tại các vùng đặc biệt khó khăn về nguồn nước. Kết hợp tạo nguồn cấp nước cho khu vực nông thôn, đô thị, công nghiệp, khu kinh tế...

Nâng tần suất đảm bảo tưới lúa vùng trung du và miền núi lên 85%, vùng đồng bằng lên 90 - 95% và chủ động ứng phó với các kịch bản cực đoan; tăng tỷ lệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Đảm bảo cấp nước tưới cho cây trồng có giá trị kinh tế cao với tần suất bảo đảm 90% - 95%; cấp đủ nước cho gia súc, gia cầm; cấp, thoát nước chủ động cho nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung.

Khắc phục hoàn toàn tình trạng ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi; kiểm soát được tình trạng xâm nhập mặn tại các vùng cửa sông, ven biển.

b) Tiêu, thoát nước: Chủ động tiêu, thoát nước qua công trình thủy lợi cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản và diện tích đất đô thị, công nghiệp trong hệ thống thủy lợi; từng bước nâng dần tần suất mưa tiêu thiết kế lên 5% cho một số khu vực đô thị, dân cư tập trung.

c) Phòng, chống lũ, ngập úng: Từng bước xem xét nâng mức đảm bảo chống lũ với tần suất 0,2% cho khu vực chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa lớn ở thượng lưu; 0,14% cho khu vực trung tâm thành phố Hà Nội phía hữu ngạn sông Hồng. Tùy thuộc điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước và tầm quan trọng từng khu vực bảo vệ, sẽ xác định tiêu chuẩn phòng, chống lũ phù hợp với vùng ít chịu ảnh hưởng điều tiết của các hồ chứa lớn.

V. GIẢI PHÁP QUY HOẠCH

1. Giải pháp quy hoạch công trình trên dòng chính

a) Giải pháp khắc phục hạ thấp mực nước

Giải pháp trước mắt:

- Tiếp tục vận hành khoa học, hiệu quả các hồ chứa lớn thượng nguồn (Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang) điều tiết nước cho vùng trung du và đồng bằng sông Hồng phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân. Chủ động lấy nước tích trữ vào trong hệ thống thủy lợi trước các giai đoạn đở ải, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ.

- Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm, cống lấy nước trong điều kiện mực nước bị hạ thấp; xây dựng mới các trạm bơm bổ sung nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, tạo dòng chảy, cải thiện môi trường chất lượng nước trong các hệ thống thủy lợi.

Giải pháp lâu dài:

- Xây dựng đập Xuân Quan trên sông Hồng, đập Long Tửu trên sông Đuống¹ nhằm điều tiết, kiểm soát dòng chảy, dâng mực nước trên sông Hồng trong thời gian mùa cạn, phục vụ đa mục tiêu:

+ Đảm bảo vận hành lấy nước của các cống Xuân Quan (75 m³/s) vào hệ thống Bắc Hưng Hải, cống Long Tửu (28 m³/s) vào hệ thống Bắc Đuống, cống Liên Mạc (36 m³/s) vào hệ thống sông Nhuệ, cống Cẩm Đình (khoảng 8÷13 m³/s)

¹ Vị trí, quy mô, kết cấu công trình phải được tính toán cụ thể ở các giai đoạn tiếp theo bảo đảm đáp ứng các mục tiêu đặt ra, không ảnh hưởng đến an toàn thoát lũ.

vào sông Đáy, phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, cải tạo môi trường nước các hệ thống thủy lợi, góp phần làm “sống lại” một số dòng sông vùng đồng bằng sông Hồng (sông Đáy, Nhuệ, Tô Lịch, Ngũ Huyện Khê...).

+ Tạo điều kiện để các trạm bơm ven sông (Bạch Hạc, Đại Định, Phù Sa, Thanh Diêm, Đan Hoài, Áp Bắc và một số trạm bơm nhỏ khác) lấy nước theo thiết kế với tổng công suất thiết kế khoảng 100 m³/s.

+ Tạo cảnh quan, môi trường; phát triển giao thông đường thủy và du lịch, dịch vụ,... thông qua việc duy trì mực nước trên sông Hồng vào mùa cạn.

+ Điều tiết kiểm soát tỷ lệ phân lưu từ sông Hồng sang sông Đuống; kết hợp vận hành với các hồ thượng nguồn bảo đảm cấp nước phục vụ sản xuất và đầy mặn khu vực hạ du sông Hồng - sông Thái Bình.

+ Giảm lượng nước xả gia tăng từ các hồ thủy điện thượng lưu phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân hàng năm, góp phần sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước, đảm bảo an ninh năng lượng.

- Nghiên cứu xây dựng đập trên sông Đà hoặc sông Hồng² nhằm điều tiết dòng chảy, dâng mực nước trên sông Đà trong thời gian mùa cạn bảo đảm lấy nước qua cống Lương Phú (tối thiểu 60 m³/s),... tiếp nước cho sông Tích, sông Đáy,... đồng thời khai thác tối ưu hiệu quả nguồn nước cho các mục tiêu cấp nước cho dân sinh, sản xuất, phát điện, giao thông thủy, không để ảnh hưởng đến tiêu nước, thoát lũ trên sông Đà.

- Tiếp tục nghiên cứu giải pháp công trình điều tiết trên sông Đào kiểm soát dòng chảy phân lưu từ sông Hồng sang sông Đáy, nhằm cải thiện khả năng tiêu, thoát lũ cho hệ thống sông Đáy, đồng thời không ảnh hưởng đến khả năng cấp nước và an toàn chống lũ trên các sông phía hạ du sông Hồng.

b) Giải pháp kiểm soát mặn vùng cửa sông

Trước mắt tiếp tục vận hành các hồ chứa thượng nguồn, kết hợp vận hành hợp lý các công trình lấy nước phía hạ du để chủ động ứng phó xâm nhập mặn.

Sau khi xây dựng đập Xuân Quan, đập Long Tửu có thể kết hợp với việc vận hành các hồ thượng du và 02 đập điều tiết đầy mặn khu vực hạ du.

Giai đoạn sau năm 2030, trong trường hợp biến đổi khí hậu, nước biển dâng có diễn biến phức tạp và cực đoan, nghiên cứu xây dựng các công trình điều tiết nguồn nước mặn, ngọt cho khu vực ven biển.

c) Giải pháp phòng, chống lũ, ngập úng

Vận hành các hồ chứa Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Thác Bà, Lai Châu, Bản Chát, Huội Quảng cắt giảm lũ cho hạ du theo quy trình vận hành đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, với tổng dung tích phòng lũ 8,45 tỷ m³.

² Vị trí cụ thể, quy mô, kết cấu công trình cần tiếp tục được nghiên cứu tính toán kỹ lưỡng, cụ thể ở các giai đoạn tiếp theo để lựa chọn phù hợp, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả về kinh tế và kỹ thuật, đáp ứng các mục tiêu đặt ra, đồng thời không ảnh hưởng đến an toàn thoát lũ và đề điều.

Nghiên cứu điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa, hồ chứa độc lập, hệ thống thủy lợi phù hợp với điều kiện xảy ra mưa, lũ vượt tần suất; tăng khả năng dự báo, cảnh báo, vận hành hồ chứa; nghiên cứu giải pháp nâng cao dung tích trữ của hồ chứa thủy lợi tham gia phòng chống lũ, chủ động xả nước đón lũ, tăng dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du. Nghiên cứu quy định lại mực nước báo động trên hệ thống sông Hồng - Thái Bình phù hợp với điều kiện thực tế.

Xây dựng hồ chứa Văn Lãng trên dòng chính sông Cầu kết hợp với các hồ chứa trên dòng nhánh nhằm điều tiết cắt, giảm lũ cho hạ du sông Cầu; tạo nguồn nước bổ sung cho hạ du (phục vụ dân sinh, công nghiệp, đô thị, nông nghiệp...) kết hợp đa mục tiêu (tạo cảnh quan, môi trường, du lịch, nuôi trồng thủy sản...).

Cải tạo lòng dẫn, nghiên cứu giải pháp cải tạo cụm đầu mối sông Đáy đảm bảo chống lũ nội tại, thoát được lưu lượng lũ phân vào sông Đáy khi lũ trên sông Hồng vượt tần suất 500 năm hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho khu vực nội thành Hà Nội.

Cải tạo lòng dẫn dòng chính hệ thống sông Hồng - Thái Bình tăng khả năng thoát lũ. Đầu tư, củng cố, nâng cấp hoàn thiện hệ thống đê điều, bảo đảm an toàn chống lũ, kết hợp phát triển kinh tế xã hội. Quản lý, sử dụng bãi sông theo quy định pháp luật.

Cải tạo, nạo vét các trục tiêu; đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình đầu mối, tăng khả năng tiêu, thoát nước ra sông chính, giảm lượng nước tiêu vào hệ thống nội đồng. Tăng cường các giải pháp phi công trình để chủ động ứng phó và giảm quy mô công trình tiêu thoát nước.

2. Giải pháp quy hoạch các vùng

a) Định hướng chung

- Tưới, cấp nước: Nâng cấp, sửa chữa, nâng cao dung tích trữ của các hồ chứa đã có; đầu tư xây mới các hồ chứa có khả năng tích trữ và điều hòa nguồn nước liên vùng; xây dựng công trình, kết nối nguồn nước tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới cho vùng đất dốc và các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Phát triển hồ chứa và công trình thủy lợi nhỏ, phân tán tạo nguồn cấp nước tưới cho cây ăn quả, cây công nghiệp, rau màu. Cải tạo, nâng cấp các công trình, hệ thống công trình thủy lợi xuống cấp, hoạt động không hiệu quả. Đối với các khu vực cao cục bộ, nguồn nước khó khăn, đầu tư các công trình thủy lợi nhỏ, sử dụng nguồn nước ngầm, nước mưa cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, bố trí các loại cây trồng phù hợp. Sửa chữa, nâng cấp hoàn thiện, nâng cao năng lực hoạt động hệ thống thủy lợi, công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, kết hợp chỉnh trang, khai thác không gian, cải thiện môi trường nước. Bổ sung nguồn nước, giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường chất lượng nước trong các hệ thống thủy lợi.

- Tiêu, thoát nước: Cải tạo, nâng cấp các công trình đầu mối, tăng khả năng tiêu, thoát nước ra sông chính. Duy trì không gian chứa nước, xây dựng các công trình tiêu kết hợp ngăn lũ cho các khu đô thị, khu dân cư tập trung. Đầu tư, xây dựng các công trình tiêu cho khu vực ven biển, khu vực có địa hình thấp,

chịu tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, triều cường, hiện đang gặp khó khăn trong tiêu thoát.

- Cải tạo, nạo vét, nắn chỉnh, nâng cấp, hoàn thiện, bổ sung mới hệ thống kênh và công trình trên kênh để trữ nước, dẫn nước phục vụ cấp nước, tiêu thoát nước và các mục tiêu khác đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của từng thời kỳ.

- Phòng, chống lũ, ngập úng: Cải tạo, nạo vét hệ thống sông, kênh tăng khả năng thoát nước, lũ. Đầu tư, củng cố, nâng cấp hoàn thiện hệ thống đê điều tại các khu vực có đê, bảo đảm an toàn chống lũ, kết hợp phát triển kinh tế xã hội. Xây dựng các hồ chứa cắt, giảm lũ hạ du kết hợp phục vụ đa mục tiêu; chủ động vận hành linh hoạt các hồ chứa hiện có để tăng khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du.

- Ngoài các công trình thủy lợi vừa và lớn đề xuất trong quy hoạch cần đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi nhỏ khác để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

b) Vùng lưu vực sông Đà - Thao

- Giải pháp tưới, cấp nước: Hoàn thiện hệ thống kênh tưới của các hồ đã xây dựng; cải tạo, nâng cấp 173 hồ, đập, 30 trạm bơm và xây mới 93 hồ, đập, 03 trạm bơm, 01 cống tưới cho khoảng 89.000 ha, kết hợp tạo nguồn cấp cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ, trong đó có xây dựng các trạm bơm, cụm hồ chứa khu vực suối Sập, suối Quanh cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho cao nguyên Mộc Châu, Nà Sản tỉnh Sơn La...

- Giải pháp tiêu, thoát nước, phòng chống lũ, ngập úng: Khu vực trung du và miền núi chủ yếu tiêu tự chảy vào các sông suối, một phần diện tích khu vực hạ du tiêu bằng công trình. Xây dựng mới trạm bơm tiêu Mạn Lạn, La Phù, Ngòi Cầu Trắng, Bảo Yên; cải tạo các ngòi tiêu, các trạm bơm tiêu Ngòi Mỹ, Tinh Cương, Minh Nông, Hiền Quan, Hiền Đa, Cầu Đen, Lận Dương, Cống Luồn, Hoàng Hanh, Đồng Sáu và cụm đầu mối tiêu Sai Nga-Son Nga-Thanh Nga... tăng khả năng tiêu thoát cho khu vực hạ du.

- Giải pháp tiêu thoát cho các khu đô thị: Nghiên cứu, xây dựng tuyến thoát lũ qua đèo Cao Phạ để giảm úng ngập cho khu vực trung tâm đô thị tỉnh Sơn La và vùng lân cận. Cải tạo, nạo vét suối Nam Cường (Ngòi Yên), khôi phục trục tiêu và xây dựng cống đầu mối, chủ động ngăn lũ và tiêu thoát cho trung tâm đô thị tỉnh Lào Cai. Bổ sung tổ máy cho trạm bơm tiêu Quỳnh Lâm, cải tạo trạm bơm tiêu Lò Lợn, xây dựng mới trạm bơm nhỏ tăng cường tiêu thoát cho khu vực đô thị tỉnh Phú Thọ.

c) Vùng lưu vực sông Lô – Gâm

- Giải pháp tưới, cấp nước: Xây dựng các hồ chứa, cụm công trình, công trình tạo nguồn cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất ở các khu vực khó khăn về nguồn nước cấp cho sinh hoạt vùng cao nguyên Đồng Văn, cấp nước tưới cho cây ăn quả và các loại cây trồng cạn khác vùng Bắc Quang, Quang Bình tỉnh Tuyên Quang (hồ Thôn Kem, Nà Ôm, Ngòi Hóc, đập Tân Trịnh, Thôn Thượng,

kết hợp với đập dâng Ma Chì)... Cải tạo, nâng cấp 117 hồ, đập, hệ thống thủy lợi, 39 trạm bơm và xây mới 41 hồ, đập, 07 trạm bơm tưới cho khoảng 51.000 ha, kết hợp tạo nguồn cấp cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ.

- Giải pháp tiêu, thoát nước, phòng chống lũ, ngập úng: Khu vực trung du và miền núi chủ yếu tiêu tự chảy vào các sông suối, một phần diện tích khu vực hạ du tiêu bằng công trình. Xây dựng mới các trạm bơm tiêu Cầu Ngạc, Cầu Gàn, Cầu Độ; cải tạo, nạo vét các ngòi tiêu tăng khả năng tiêu thoát. Xây dựng một số cống tiêu và cải tạo, khơi thông các ngòi tiêu Ngòi Cơi, Ngòi Là, Ngòi Chả và Ngòi Thục giảm ngập úng cho khu vực trung tâm đô thị tỉnh Tuyên Quang.

d) Vùng lưu vực sông Cầu - Thương:

- Đầu tư xây dựng hồ chứa Văn Lãng trên dòng chính sông Cầu, các hồ chứa Cẩm Giàng, Nghinh Tường trên dòng nhánh sông Cầu, với tổng dung tích khoảng 216 triệu m³, dung tích phòng lũ từ 100 đến 120 triệu m³, đồng thời tiếp tục nghiên cứu xây dựng các hồ chứa khác trên lưu vực sông Cầu (Thanh Mai, Yên Trạch...) điều tiết cắt, giảm lũ trên dòng chính sông Cầu cho khu vực trung tâm đô thị tỉnh Thái Nguyên và hạ du, bổ sung nguồn nước cho hạ du sông Cầu phục vụ đa mục tiêu. Xây dựng hồ Nà Lạnh trên sông Lục Nam dung tích 210 triệu m³ bổ sung nguồn nước, phòng chống lũ, phát điện, phục vụ đa mục tiêu.

- Giải pháp tưới, cấp nước: Cải tạo nâng cấp, nâng cao năng lực, phục vụ đa mục tiêu, bảo đảm an toàn hồ chứa các hệ thống thủy lợi, như Núi Cốc, Thác Huống, Liễn Sơn - Bạch Hạc. Bổ sung năng lực, nâng cấp, cải tạo, hiện đại hóa hệ thống Bắc Đuống nâng cao năng lực hệ thống phục vụ đa mục tiêu đảm bảo cấp nước, tiêu thoát nước, tạo cảnh quan, cải thiện môi trường chất lượng nước trong hệ thống, góp phần đồng bộ với kết cấu hạ tầng các ngành khác. Xây dựng tuyến kết nối, chuyển nước từ hồ Cẩm Sơn sang hồ Khuân Thần và các hồ nhỏ phục vụ cấp nước cho cây ăn quả vùng Lục Ngạn... Cải tạo, nâng cấp 112 hồ, đập, 59 trạm bơm, 08 cống và xây mới 61 hồ, đập, 17 trạm bơm, 01 hệ thống kết nối, chuyển nước tưới cho khoảng 186.000 ha, kết hợp tạo nguồn cấp cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ.

- Giải pháp tiêu, thoát nước, phòng chống lũ, ngập úng:

+ Hoàn thiện hệ thống kênh tiêu trạm bơm tiêu Văn Khê, Phương Trạch 2; Cải tạo cống Long Tửu, cải tạo, nâng cấp các trạm bơm tiêu Cống Táo, Giá Sơn, Hữu Nghị, Nội Ninh, Ngọ Khổng 2, Việt Hòa, Cẩm Bào, Cẩm Lý, Dương Đức, Cẩm Hà 1, Tăng Long, Tiên Tảo...; xây dựng mới trạm bơm Long Tửu, Vĩnh Thanh, Yên Ninh, Hữu Nghị, Tiên Kiều, Mãi Thượng, Tiên Hưng, Vạn An 3, Vọng Nguyệt 2, Kim Đồi 3, Xuân Trạch, Cổ Loa...; cải tạo, nâng cấp 71 trạm bơm, 10 cống và xây mới 29 trạm bơm, 64 cống tiêu cho khoảng 176.000 ha.

+ Xây dựng mới các trạm bơm tiêu Yên Ninh, Cống Đàm, Đa Mai để giảm ngập úng cho khu vực đô thị trung tâm tỉnh Bắc Ninh và vùng phụ cận; mở rộng 03 cống tiêu, xây mới 61 cống tiêu, 05 trạm bơm tiêu, các kênh tiêu, xây dựng mới đập tràn Thác Huống 2 tăng khả năng tiêu thoát, giảm ngập cho khu vực đô

thị trung tâm tỉnh Thái Nguyên;

+ Củng cố, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đê đảm bảo chống lũ theo thiết kế. Rà soát, cập nhật lại thông số lũ thiết kế, cao trình mực nước lũ thiết kế cho hệ thống đê phù hợp với lũ lịch sử mới.

e) Vùng Hữu sông Hồng

- Giải pháp tưới, cấp nước: Cải tạo, nạo vét sông Đáy bảo đảm phân lũ, cấp nước tưới, trữ nước, tiêu, thoát nước; Bổ sung năng lực, nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang, hiện đại hóa hệ thống Bắc Nam Hà, hệ thống Sông Nhuệ, nâng cao năng lực hệ thống phục vụ đa mục tiêu đảm bảo cấp nước, tiêu thoát nước, tạo cảnh quan, cải thiện môi trường chất lượng nước trong hệ thống, góp phần đồng bộ với kết cấu hạ tầng các ngành khác. Cải tạo, nâng cấp các cống, trạm bơm tưới lấy nước từ sông Đà, sông Hồng, sông Đáy (Phù Sa, Sơn Đà, Trung Hà, Đức Môn, Áng Thượng, cống lấy nước của các trạm bơm Như Trác, Nhâm Tràng, Hữu Bị...); tiếp tục hoàn thiện dự án Tiếp nước cải tạo, khôi phục sông Tích từ cống Lương Phú; Xây dựng hệ thống công trình chuyển nước từ sông Tích sang sông Đáy; xây dựng trạm bơm Liên Mạc, hệ thống tiếp nước Quan Trung-Vĩnh Trụ ... Cải tạo, nâng cấp 25 hồ, đập, 117 trạm bơm, 108 cống và xây mới 04 hồ, đập, 20 trạm bơm, 04 cống, 01 hệ thống chuyển nước tưới cho khoảng 215.000 ha, kết hợp tạo nguồn cấp cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ, môi trường.

- Giải pháp tiêu, thoát nước: Hoàn thiện hệ thống kênh trạm bơm Yên Nghĩa, đầu tư xây dựng trạm bơm Lương Cỏ để hỗ trợ tiêu cho hệ thống Sông Nhuệ khi có mưa lớn, mực nước sông Đáy cao, trạm bơm Liên Mạc tiêu phía đầu hệ thống sông Nhuệ, trạm bơm Nam Thường Tín tiêu cho khoảng 18.000 ha khu đô thị Olympic ra sông Hồng; trạm bơm Rõng hỗ trợ tiêu cho hệ thống thủy lợi Nam Ninh ...; cải tạo, nâng cấp 115 trạm bơm, 106 cống và xây mới 57 trạm bơm, 05 cống tiêu cho khoảng 354.000 ha.

- Giải pháp phòng, chống lũ:

+ Quản lý, sử dụng bãi sông đảm bảo không gian thoát lũ. Hoàn thành chương trình nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển đảm bảo an toàn chống lũ, bảo theo tiêu chuẩn thiết kế. Cải tạo lòng dẫn, nạo vét lòng sông, cửa sông tại những vị trí bồi lắng cục bộ để tăng khả năng thoát lũ.

+ Đối với lưu vực sông Đáy: Cải tạo lòng dẫn sông Đáy đảm bảo chuyển nước vào mùa kiệt; chuyển lũ thường xuyên từ sông Hồng và sông Đáy và đảm bảo chuyển 2500m³/s từ sông Hồng vào sông Đáy khi sử dụng sông Đáy làm cầu chì để giảm lũ cho nội thành Hà Nội. Cải tạo, nâng cấp các tuyến đê tả Đáy, hữu Đáy, vùng bụng chứa Vân Cốc,...

+ Đối với hạ lưu lưu vực sông Tích, Bùi, Thanh Hà: Cải tạo lòng dẫn các sông, trục tiêu, thoát lũ; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đê. Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa hiện có để nâng cao dung tích phòng lũ, cát lũ cho lưu vực sông Tích, Bùi, kết hợp tạo nguồn cấp nước sinh hoạt, đô thị, nông nghiệp và phục vụ du lịch, dịch vụ. Nghiên cứu tận dụng các vùng úng, trũng dành không

gian trữ lũ và chuyển đổi sản xuất tại các vùng thấp sang nuôi trồng thủy sản, du lịch, dịch vụ sinh thái. Hạn chế phát triển các khu dân cư và cơ sở hạ tầng, tôn nền một số khu vực dân cư tập trung đảm bảo cao trình chống lũ thiết kế.

+ Đối với lưu vực sông Hoàng Long: Củng cố hệ thống đê điều và cải tạo lòng dẫn đảm bảo thoát lũ sông Hoàng Long ra sông Đáy bảo vệ các khu dân cư, phát triển kinh tế xã hội; đồng thời sử dụng các giải pháp quản lý rủi ro trong trường hợp xảy ra lũ lớn vượt tần suất thiết kế.

g) Vùng Tả sông Hồng

- Giải pháp tưới, cấp nước: Tận dụng thủy triều, lấy nước ngược từ sông Thái Bình, sông Luộc qua cống Cầu Xe, An Thổ vào hệ thống Bắc Hưng Hải; Bổ sung năng lực, nâng cấp, cải tạo, hiện đại hóa hệ thống Bắc Hưng Hải, như nâng cấp, bổ sung năng lực cụm công trình Xuân Quan (cống, trạm bơm), cụm công trình Cầu Cát (cống, âu, trạm bơm), nâng cao năng lực các cống điều tiết, nắn chỉnh, cải tạo, chỉnh trang hệ thống kênh, công trình nội đồng, phục vụ đa mục tiêu đảm bảo cấp nước, tiêu thoát nước, tạo cảnh quan, cải thiện môi trường chất lượng nước trong hệ thống, góp phần đồng bộ với kết cấu hạ tầng các ngành khác. Cải tạo, nâng cấp 115 trạm bơm, 72 cống và xây mới 03 đập điều tiết, 07 trạm bơm, 08 cống tưới cho khoảng 144.000 ha, kết hợp tạo nguồn cấp cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ.

- Giải pháp tiêu, thoát nước: Mở rộng cống An Thổ, xây mới trạm bơm tiêu Nam Kê Sắt hỗ trợ các công trình hiện có tiêu cho khu vực Hưng Yên, Hải Phòng, kết hợp tạo nguồn cấp nước cho hệ thống Bắc Hưng Hải, xây mới trạm bơm Sông Dăm, Sông Đoàn tổng quy mô 100 m³/s tiêu cho khu vực sân bay Gia Bình; Nâng cấp, bổ sung năng lực các trạm bơm Nhất Trai, Văn Thai tiêu ra sông Thái Bình; Xây dựng trạm bơm Cự Khối tiêu quy mô 55 m³/s ra sông Hồng, cho khu vực Long Biên - TP Hà Nội; Nâng cấp, bổ sung năng lực công trình Cầu Cát (cống, âu, trạm bơm) phục vụ cấp nước, tiêu thoát nước, giao thông thủy, môi trường; cải tạo, nâng cấp 124 trạm bơm, 75 cống và xây mới 16 trạm bơm, 05 cống tiêu cho khoảng 312.000 ha.

- Giải pháp phòng, chống lũ: Quản lý, sử dụng bãi sông đảm bảo không gian thoát lũ. Hoàn thành chương trình nâng cấp hệ thống đê sông Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh và đê biển tỉnh Hưng Yên đảm bảo an toàn chống lũ, bão theo tiêu chuẩn thiết kế. Cải tạo lòng dẫn, nạo vét lòng sông, cửa sông tại những vị trí bồi lắng cục bộ để tăng khả năng thoát lũ.

h) Vùng Hạ du sông Thái Bình

- Giải pháp tưới, cấp nước: Cải tạo, nâng cấp 11 hồ, đập, 36 trạm bơm, 27 cống và xây mới 01 trạm bơm, 02 cống tưới cho khoảng 76.300 ha, kết hợp tạo nguồn cấp cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ.

- Giải pháp tiêu, thoát nước: Cải tạo, nâng cấp 33 trạm bơm, 38 cống và xây mới 14 trạm bơm, 03 cống tiêu thoát cho khoảng 128.000 ha.

- Giải pháp phòng, chống lũ: Quản lý, sử dụng bãi sông đảm bảo không gian thoát lũ. Hoàn thành chương trình nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển trên địa bàn các tỉnh Hải Phòng, Quảng Ninh đảm bảo an toàn chống lũ, bảo theo tiêu chuẩn thiết kế. Cải tạo lòng dẫn, nạo vét lòng sông, cửa sông tại những vị trí bồi lắng cục bộ để tăng khả năng thoát lũ.

(Danh mục các công trình dự kiến đầu tư tại Phụ lục II, III kèm theo)

3. Giải pháp phi công trình

Cấm mốc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; triển khai các giải pháp chống lấn chiếm phạm vi bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi.

Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn tăng độ che phủ, chống xói mòn, cạn kiệt dòng chảy, phòng chống lũ, sạt lở đất; rừng phòng hộ ven biển, cây chắn sóng bảo vệ đê biển, phòng chống sạt lở bờ biển.

Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức người dân trong công tác trữ nước, sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế sử dụng nước dưới đất; phổ biến kiến thức về pháp luật thủy lợi, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, công trình phòng, chống lũ; tuyên truyền vận động người dân tham gia quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi, công trình phòng, chống lũ. Nâng cao hiệu lực, trách nhiệm của chính quyền các cấp ở địa phương trong quản lý, bảo vệ, ngăn chặn và xử lý vi phạm trong phạm vi công trình thủy lợi và phòng, chống lũ.

Đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, vận hành công trình thủy lợi; nâng cao hiệu quả quản lý khai thác hệ thống thủy lợi.

Nghiên cứu chuyển đổi một số khu vực úng, trũng sang nuôi trồng thủy sản để tạo không gian chứa nước, giảm áp lực cho các công trình tiêu, thoát nước. Duy trì, mở rộng, tăng không gian chứa nước cho các khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung để trữ nước, điều hòa nguồn nước, tạo cảnh quan môi trường, giảm ngập úng các khu vực này.

Xây dựng, rà soát, sửa đổi, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ, quy trình vận hành các công trình, các hệ thống công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng và đảm bảo an ninh nguồn nước.

Chủ động lấy nước, trữ nước vào hệ thống công trình thủy lợi trong các đợt xả nước, thực hiện sản xuất, gieo trồng phù hợp với lịch lấy nước hàng năm... để ứng phó với tình trạng hạ thấp mực nước trên sông Hồng.

Tăng cường công tác quản lý an toàn hồ đập: Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, cảnh báo, cơ sở thông tin dữ liệu về hồ đập, vận hành theo thời gian thực, đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du.

Quản lý khai thác cát sỏi trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình, đảm bảo an toàn cho hệ thống đê điều, ổn định lòng dẫn phục vụ cấp nước, tiêu thoát nước. Phân tích đánh giá diễn biến lượng bùn cát về đồng bằng; nghiên cứu sử dụng các vật liệu thay thế cát sỏi trong sông.

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ giám sát và dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi; tăng cường giám sát, quản lý nguồn xả thải vào hệ thống công trình thủy lợi; tăng cường tích trữ nước, bổ sung nguồn nước cải thiện chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo cấp nước phục vụ đa mục tiêu.

Nâng cao chất lượng công tác giám sát, dự báo nguồn nước; tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác dự báo, cảnh báo lũ, hạn hán, xâm nhập mặn; xây dựng trung tâm dữ liệu vùng (độ mặn, mực nước, số lượng, chất lượng nước...); từng bước tổ chức vận hành trực tuyến, vận hành tối ưu.

Tăng cường thu thập dữ liệu đo đạc khí tượng, thủy văn chuyên dùng, khuyến khích áp dụng hình thức thuê dịch vụ cung cấp dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất.

Triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ lưu vực sông Hồng - Thái Bình, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu và nước biển dâng như cạn kiệt dòng chảy, ổn định lòng dẫn, phân lưu giữa các sông, giải pháp, công nghệ xây dựng công trình trên dòng chính, diễn biến xói lở, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường chất lượng nước...

(Danh mục các nhiệm vụ phi công trình tại Phụ lục IV kèm theo)

VI. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT

Tổng nhu cầu sử dụng đất để triển khai quy hoạch khoảng 9.000 ha, trong đó nhu cầu để nâng cấp, sửa chữa các công trình khoảng 1.900 ha, xây dựng mới các công trình khoảng 7.100 ha.

VII. DANH MỤC DỰ KIẾN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ

1. Danh mục công trình, dự án dự kiến đầu tư

Phù hợp với quy hoạch cấp trên và các quy hoạch liên quan thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như Quy hoạch vùng trung du miền núi phía Bắc, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng, Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, Quy hoạch tài nguyên nước và Quy hoạch tỉnh, thành phố trong lưu vực.

Phù hợp khả năng bố trí, huy động nguồn lực cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi, khả năng bố trí, huy động nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi của các địa phương thuộc lưu vực sông Hồng - Thái Bình;

Các công trình giải quyết các vấn đề cấp bách về thủy lợi, công trình thuộc các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, công trình khắc phục hạ thấp mực nước, cải thiện môi trường, cấp nước cho vùng khan hiếm nước, cấp nước cho cây trồng có giá trị kinh tế cao, tiêu thoát nước cho khu vực ven biển.

Việc thực hiện các công trình dự kiến đầu tư được cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh giai đoạn đầu tư phù hợp với khả năng nguồn vốn. Mục tiêu, quy mô, địa điểm, tổng mức đầu tư, nguồn vốn, nhu cầu sử dụng đất của từng dự án, công trình cụ thể sẽ được xác định trong quá trình chuẩn bị đầu tư và quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

2. Phân kỳ thực hiện quy hoạch

Nhu cầu vốn thực hiện quy hoạch khoảng 148.900 tỷ đồng, trong đó đến năm 2030 là 60.800 tỷ đồng, giai đoạn sau năm 2030 là 88.100 tỷ đồng, được huy động, bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Trường hợp cần thiết đầu tư phục vụ phát triển kinh tế xã hội và huy động bố trí được đầy đủ nguồn lực để thực hiện, cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án có thể đề xuất và cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, chấp thuận đầu tư sớm hơn sơ với thời kỳ quy hoạch.

(Danh mục các công trình, phi công trình tại Phụ lục II, III, IV kèm theo)

VIII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp cơ chế, chính sách

Rà soát, sửa đổi hoàn thiện một số cơ chế chính sách đặc thù, tăng cường phân cấp, giảm thủ tục hành chính, minh bạch để huy động mọi nguồn lực đầu tư trong lĩnh vực đầu tư, quản lý, vận hành công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, công trình phòng, chống lũ.

Rà soát, bổ sung quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn, phòng, chống lũ. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật để xây dựng và quản lý các hồ, đập quy mô nhỏ, công trình trữ nước nhỏ phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực trung du và miền núi phía Bắc.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách khuyến khích bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng, dịch vụ rừng, quản lý, phát triển rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, cây chắn sóng bảo vệ đê biển.

Sửa đổi bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; tưới cho cây trồng cạn, cấp nước sinh hoạt, phòng, chống lũ; triển khai chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Xây dựng, rà soát, sửa đổi, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ, quy trình vận hành các công trình, các hệ thống công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng và đảm bảo an ninh nguồn nước.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý khai thác cát sỏi trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình, đảm bảo an toàn cho hệ thống đê điều, ổn định lòng dẫn phục vụ cấp nước, tiêu thoát nước.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Rà soát, đánh giá nguồn nhân lực thủy lợi hiện có, xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng đối tượng tham gia.

Củng cố, kiện toàn các tổ chức quản lý, vận hành, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị để khai thác an toàn và hiệu quả các công trình thủy lợi.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo chuyên sâu chuyên ngành quản lý vận hành công trình thủy lợi gắn với ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại, chuyển đổi số trong thủy lợi.

3. Giải pháp khoa học công nghệ

Tăng cường ứng dụng công nghệ số, hạ tầng quản trị số, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh vào quản lý, khai thác hạ tầng thủy lợi; quan trắc công trình, kiểm tra, kiểm định, đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước, nâng cao mức đảm bảo an toàn; quan trắc, dự báo, cảnh báo, giám sát diễn biến nguồn nước, số lượng nước, kiểm soát chất lượng nước, cảnh báo lũ.

Ứng dụng khoa học công nghệ phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm; bảo vệ môi trường nước, kiểm soát chất lượng nước, quản lý, xử lý triệt để nguồn xả thải gây ô nhiễm nước trong công trình thủy lợi.

Áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác dự báo, cảnh báo để nâng cao chất lượng công tác giám sát, dự báo nguồn nước tiến tới vận hành theo thời gian thực.

Nghiên cứu các công nghệ xây dựng, sử dụng vật liệu mới; chuyển đổi sản xuất, áp dụng mô hình tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước đặc biệt đối với vùng có nguồn nước hạn chế; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, hiện đại cho khu vực nông nghiệp sạch, nông nghiệp chất lượng cao, cây trồng có giá trị cao... đảm bảo nâng cao chất lượng nước phục vụ sản xuất, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, khai thác và phát triển bền vững nguồn nước.

4. Giải pháp hợp tác quốc tế

Chủ động tham gia, mở rộng hợp tác quốc tế có hiệu quả về quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước, quản lý, vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, thiết lập các cơ chế chia sẻ nguồn nước, giải quyết tranh chấp, xung đột nguồn nước xuyên biên giới.

Tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi, chia sẻ thông tin, chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm, chính sách về quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nước; huy động nguồn lực quốc tế trong thực hiện đầu tư, xây dựng các công trình thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo an ninh nguồn nước.

5. Giải pháp huy động và phân bổ vốn

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế để huy động các nguồn lực (vốn ODA, vay ưu đãi, ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, tư nhân, vốn tín dụng, quỹ phòng chống thiên tai...) tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi theo quy hoạch; thể chế hóa các giải pháp về phân cấp, phân quyền huy động nguồn lực. Ưu tiên bố

trí đủ nguồn vốn ngân sách xây dựng các công trình có quy mô vừa và lớn, phục vụ đa mục tiêu; giải quyết các vấn đề cấp bách của thủy lợi, các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng khó khăn về nguồn nước, thường xuyên chịu tác động của xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng.

Tăng cường, khuyến khích và huy động các nguồn lực xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển, vận hành, khai thác hạ tầng thủy lợi.

6. Giải pháp tổ chức và giám sát thực hiện quy hoạch

Công bố, công khai quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Hồng - Thái Bình thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050, tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện.

Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, các địa phương trong lưu vực để thực hiện quy hoạch bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch. Đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định, đề xuất điều chỉnh phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội; phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tổ chức công bố quy hoạch, cung cấp dữ liệu có liên quan vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố thuộc lưu vực sông Hồng - Thái Bình thực hiện quy hoạch; kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định.

Triển khai quy hoạch đồng bộ, hiệu quả; rà soát, kiến nghị điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

Rà soát, điều chỉnh, xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với công trình thủy lợi, phòng, chống lũ, cấp nước, tiêu thoát nước.

Chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, nâng cao khả năng trữ nước của các hồ chứa thủy lợi; bảo vệ, phát triển, khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn trên lưu vực; lập, điều chỉnh quy trình vận hành các hồ chứa thủy lợi và công trình thủy lợi trên lưu vực theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch này và quy định của pháp luật liên quan.

Tiếp tục nghiên cứu, các giải pháp, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi, công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, chuyên đổi sản xuất để sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, khai thác và phát triển bền vững nguồn nước.

Phối hợp với các bộ, ngành, các địa phương trong lưu vực triển khai các giải pháp thủy lợi khắc phục tình trạng hạ thấp mực nước, lòng dẫn dòng chính sông Hồng - Thái Bình.

Phối hợp với Bộ Tài chính để bố trí ngân sách hàng năm thực hiện Quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong lưu vực sông Hồng - Thái Bình

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức thực hiện quản lý nhà nước đối với hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật có liên quan trong phạm vi địa phương; bố trí quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch; bố trí ngân sách đầu tư hạ tầng thủy lợi trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh thuộc lưu vực sông Hồng - Thái Bình và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố: Tuyên Quang, Lào Cai, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình, Quảng Ninh;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Lưu: VT, TL (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp